

tu tuong tu tuong
tu tuong tu tuong
tu tuong tu tuong

Tiếng Nói
của
Viện Đại Học
Vạn Hạnh

Bộ Mới
Năm Thứ Ba
Số Đặc Biệt

SỐ ĐẶC BIỆT
LỄ TÔNG KHAI GIẢNG

Niên khóa 1970—1971

tu tuong tu tuong
tu tuong tu tuong

[1971]

KỸ THUẬT, KHOA HỌC XÃ HỘI, GIÁO DỤC, và TƯỞNG LAI VIỆT NAM *

TÔN THẮT THIÊN

Thưa Ông Tổng Trưởng,

Thưa Quý vị,

Anh Chị Em Sinh viên,

Năm nay, phần ngân sách quốc gia dành cho giáo dục không thay đổi mấy, trong khi số sinh viên gia tăng nhiều và giá cả càng leo thang gấp bội vì thuế cao và vì đồng bạc bị phá giá. Như vậy nghĩa là ngân sách về giáo dục đã bị giảm bớt khá nhiều trong thực tế. Riêng về Viện Đại Học Vạn Hạnh, trợ cấp nhà nước năm nay là 12 triệu đồng, y hệt năm qua. Với số sinh viên tăng từ 3.000 lên 4.000, và giá cả tăng hơn gấp đôi, trợ cấp nhà nước cho Viện này đã đương nhiên bị cắt gần hai phần ba. Đó là một đòn khá nặng cho tất cả những người lo về giáo dục, nghĩa là lo xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn cho xứ sở này.

* Bài giảng nhân ngày Khai trường, niên khóa 1970 — 1971 của Viện Đại Học Vạn Hạnh, ngày 1/12/1970 của Giáo Sư TÔN THẮT THIÊN. Khoa Trường Phân khoa Khoa Học Xã Hội.



Năm tới chúng ta sẽ gặp nhiều khó khăn về tài chánh. Điều đó không tránh khỏi. Nhưng nếu ta thực sự thương nước, chúng ta phải tiếp tục. Chúng ta phải can đảm hơn nữa, kiên nhẫn hơn nữa, và quyết tâm giữ vững hy vọng, nhất là khi ta thấy hòa bình đã lộ dạng trên chân trời. Ta biết rằng khi hòa bình đến, nhân dân ta sẽ bớt được một gánh nặng đè trên tâm trí và thể xác họ, và thanh niên xứ này sẽ được bước vào một kỷ nguyên mới, trong đó họ có thể nghĩ đến những gì cao đẹp hơn là giận hờn, chém giết, đốt phá, và họ có thể đem nghị lực của họ dùng vào những công tác xây dựng hơn.

Tuy rằng sự thiếu thốn tài chánh sẽ là một đám mây đen che bớt ánh nắng mặt trời của chúng ta, lúc này có lẽ là lúc mà chúng ta nên ngừng đầu ngược mắt, quên những mối ưu tư hiện tại để nhìn về tương lai, một tương lai mà ta hiện chỉ biết ít nhưng mà ta phải cố gắng hình dung và uốn nắn nhờ những điều mà ta biết được về hiện trạng thế giới. Tuy ta đã bị tách biệt thế giới vì lý do hay cơ này cơ nọ, nhờ sách báo, vô tuyến truyền hình và vô tuyến truyền thanh, ta cũng có thể thấy khung cảnh của nó khá rõ. Trong chúng ta có đôi người đã được may mắn nhìn thấy thế giới đó tận mắt. Cũng có đôi người được may mắn gặp những học giả chuyên nghiên cứu quá khứ và hiện tại để tiên đoán tương lai.

Khi ta tận dụng tất cả những gì mà ta đã được biết, và nhất là khi ta dựa trên những hiểu biết đó để cố ước đoán tương lai — tôi nói hiểu biết chứ không nói phỏng đoán hay bịa đặt — chúng ta không khỏi không nhận thấy một sự kiện rất rõ ràng: trong lúc ở Việt nam chúng ta đang



bận chém giết nhau và diệt phá gia tài đạo lý, trí thức, và vật chất mà bao thế hệ cha ông ta đã đồ biết bao mồ hôi, nước mắt và máu để tạo ra, trong khi đó, thế giới vẫn dần chân tiến bước. Thế giới đang dần bước tiến lên đó là một thế giới đang biến chuyển, và điều đáng chú ý hơn nữa là tốc độ biến chuyển càng ngày càng gia tăng, bất cứ trong lãnh vực nào, và nhất là trong lãnh vực khoa học và kỹ thuật — cơ sở của phát triển kinh tế và tiến bộ. Nhờ khoa học và kỹ thuật, người ta đã đẩy lui ranh giới hiểu biết về những vật hữu hình và vô hình, lui ra ngoài — vào không gian — và lui vào trong — sâu vào ẩn chất của vật, và vào ngay cả những khoảng huyền bí nhất của bộ óc con người. Sự phát triển kiến thức phi thường này đang đẩy nhân loại vào một kỷ nguyên mới.

Kỷ nguyên này là thành quả của một loạt cách mạng mà nhân loại đã mục kích: một cuộc cách mạng tri thức đập tan xiềng xích của thời Trung cổ và mở đường cho thời Phục hưng; một cuộc cách mạng khoa học ở thế kỷ XVII và XVIII đặt nền móng cho cuộc cách mạng kỹ nghệ ở thế kỷ XIX với tàu chạy bằng hơi, xe hỏa, và máy móc sản xuất đại qui mô phẩm vật canh nông và kỹ nghệ; và tiếp đến khoảng cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, một đợt phát minh khoa học khác đã xảy ra và đưa đến sự xuất hiện của, ô tô, máy điện, vô tuyến truyền tin, và những xưởng máy tối tân. Ngày nay chúng ta đang mục kích một đợt phát minh khoa học và kỹ thuật mà hiện chứng là máy bay phản lực, vô tuyến truyền hình, máy transistor, máy điện toán (computers), phi thuyền không gian, và nguyên tử lực. Chúng ta cũng đang bước vào một cuộc cách mạng về sinh vật học với triển vọng giải thoát con người khỏi ám ảnh của đói



khát nhờ khai thác năng lực sản xuất thực phẩm và các phẩm vật khác rất dồi dào của mặt đất và biển cả; cuộc cách mạng sinh vật này cũng có thể cho ta tạo một chủng loại người tốt hơn, hoặc một chủng loại người hoàn toàn mới.

Kỹ thuật mới đã cung cấp cho ta khí cụ để thăm dò không gian, chiều sâu trái đất, hay đáy biển. Con người nay có khả năng tạo phương tiện để sống trên không gian, dưới đáy biển, hoặc nhờ biến cải được các yếu tố di truyền (genes) hay nhờ ghép bộ phận cơ khí vào người (prosthesis) tạo tác được một loại người mới có tài năng mới, hoặc một loại nửa máy nửa người. Kỹ thuật mới nay cũng có khả năng giải thoát con người khỏi lo âu về đói, khát, nóng, lạnh, và ngay cả lao động; nói một cách khác, kỹ thuật ngày nay có thể tạo một xã hội phong phú, hay siêu phong phú, trong đó mỗi người có thể có đủ, hay dư dả tất cả gì mình có thể muốn hay ước mơ. Trong xã hội đó, khẩu hiệu Cộng sản: « sử dụng tùy nhu cầu, đóng góp tùy khả năng » sẽ thành vô nghĩa, vì thiếu thốn sẽ không còn là một mối lo và làm việc sẽ không còn là ác vận của con người nữa: người ta sẽ không phải làm việc cực nhọc lam lũ, mà chỉ cần suy nghĩ và bấm nút.

Ngày nay, tất cả những gì ta muốn đều có thể có được, vì kiến thức về phương thức tạo tác nó đã có sẵn, đang được thu tập, hay không sớm thì muộn sẽ được thu tập, và ai chịu khó thu tập kiến thức đó có thể dùng nó để thực hiện mục tiêu của mình, dù là mục tiêu tốt hay xấu. Trên khắp thế giới, ngày nay những người xuất sắc nhất đang tìm cách giảm bớt hậu quả tai hại của hiện tượng mà trong một tác phẩm trừu danh Alvin Toffler gọi là « kinh hoàng



về tương lai» (future shock) (1). Có tác giả khác, như Arthur Clarke, đã cố gắng giúp ta tưởng tượng được « hình dung của tương lai » (2). Một vài tác giả khác, như John McHale, đang bàn rất nghiêm trang về đề tài « tương lai của tương lai » (3). Cũng có tác giả, như Herman Kahn, đang dùng số phương trình, và những khái niệm lạ lùng, để tiên đoán hình dạng thế giới vào năm 2.000 (4). Ngày càng nhiều quốc gia thấy xuất hiện các hội nghiên cứu tương lai, hoặc tổ chức hội nghị quốc tế về tương lai, ở Mỹ châu, Âu châu, và ngay cả ở Á châu — ví dụ ở Đại hàn và Nhật bản — để trao đổi ý kiến về phương pháp đối phó hữu hiệu với làn sóng kiến thức và kỹ thuật ngày càng mạnh lớn.

Điều mà những người thông thái đó lo sợ nhất là không kiểm soát được những sự biến chuyển do cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật tạo ra, hoặc tai hại hơn nữa, không kịp thời thấy nó đến. Ta có thể hiểu dễ dàng tại sao những người học rộng và tinh khôn như họ sợ hãi đến mức đó nếu ta được biết về những phát minh kỹ thuật đã có, hoặc chắc chắn sẽ thành tựu trong một thời gian không lâu nữa :

— về điều động thời tiết: người ta có thể tạo ra mưa, bão, hạn, theo ý muốn;

-
- (1) Alvin Toffler, *Future Shock*, New York, Random House, 1970.
 - (2) Arthur Clarke, *Profiles of the Future*, New York, Harper, 1965
 - (3) John Mc Hale, *The Future of the Future*, New York, George Brazilière, 1969.
 - (4) Herman Kahn and Anthony Weiner, *The Year 2000*, New York, Mc Millan, 1967.



— thức ăn nhân tạo (như bì tết), hình dáng, màu vị không khác gì thức ăn thiên nhiên;

— điện thoại thấy nhau (picture phone), vô tuyến truyền hình trực tiếp vào tư thất mỗi người từ bất cứ nước nào, nhờ satellites;

— làn ánh sáng cắt như dao (laser), làn ánh sáng làm tiêu tan những gì bị chiếu (disintegrating rays);

— máy điện toán (computers) có năng lực bằng óc con người, nhưng nhanh hơn, mà có thể xách tay vì chỉ lớn bằng một hộp đựng giấy;

— hỏa lực của mặt trời, được thu, để sử dụng trong nhà, thay điện và lửa;

— máy bay siêu thanh (scram jet) có thể bay 25 Mach một giờ (một Mach là 740 dặm, $740 \times 8/5 \times 25 = 29.000$ Cs/g).

— bom nguyên tử có sức 15 kilotones, có thể tiêu diệt hết mọi chất trên trái đất;

— tàu lặn có thể xuống sâu 8000 thước;

— ngân hàng tích trữ và cho thuê tài liệu (data bank);

— máy dò có thể cho ta từ xa vẽ họa đồ tất cả nguyên liệu trên trái đất rất nhanh chóng;

— thuốc trị não, có thể tạo cảm giác mình muốn: vui, buồn, giận hờn, hỷ xả, nóng nảy, bình tĩnh, tăng hay diệt trí nhớ;



— biến hóa sinh vật tùy ý muốn bằng cách xáo trộn các yếu tố di truyền (genes);

— ghép bộ phận cơ khí vào người (prosthesis);

— chế hệ thống tự túc cho người có thể sống biệt lập trên không gian hay dưới đáy biển (closed ecology);

— (và để anh em sinh viên có đề tài suy tư) cách mạng về thông tin, máy điện toán (computers) và điện tử (electronics) có thể cho ta «tạo tưởng một thế giới trong đó bất cứ ai, ở bất cứ nơi nào, cũng có thể sử dụng những thư viện lớn và sách báo tài liệu, videotape hay phim chứa những bài giảng về các môn đặc biệt, hoặc tài liệu về những biến chuyển quan trọng hiện nay hay đã qua, hoặc các vở kịch có tiếng, hoặc một cuộc mổ xẻ khó khăn trong một nhà thương lớn, hoặc một cuộc điều đình do những nhà ngoại giao tài giỏi phụ trách» (5). Chỉ cần bấm một nút nào đó của máy truyền hình tối tân là đủ!

Trên đây là một vài phát minh kỹ thuật sẽ ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống của ta trong một tương lai không xa mấy. (Ba mươi năm nữa, những người lứa tuổi tôi may ra còn sống và thấy được những biến chuyển đó, nhưng đối với lứa tuổi các anh chị em thì nó sẽ là chuyện quá thường như sử dụng Cassette hay lái xe Honda ngày nay). Các chi tiết về những phát minh nói trên ở trong những tác phẩm mà tôi đề cập đến. Ngoài ra còn quyển *Toward the Year 2018* của Hội Nghiên cứu Ngoại giao Hoa kỳ ngắn mà rất

(5) American Policy Association, *Toward the Year 2018*, New York Cowles Education Corporation, 1968, tr — 76.



đầy đủ. Các anh chị em nên tìm đọc cho biết, vì có biết những phát minh kỹ thuật đó mới hiểu xã hội sau này sẽ ra sao, và khoa học xã hội phải làm gì. Đây là đề tài mà tôi sẽ nói đến ở đoạn tiếp.

II

Sự lo sợ cuộc cách mạng về kiến thức và kỹ thuật sẽ lôi cuốn xã hội trong khi xã hội chỉ bất lực ngồi nhìn một cách ngu muội xuất phát từ nhận định rằng những phát minh kỹ thuật có những hậu quả xã hội không tránh được và những tổ chức và cơ cấu xã hội hiện nay không đủ hiệu năng để cho ta khai thác, hoặc kiểm soát những biến chuyển kỹ thuật, hay những tổ chức và cơ cấu đó không đủ để đối phó với những biến chuyển kỹ thuật trong tương lai. Nói một cách khác, kỹ thuật và tổ chức xã hội, cũng như định chế xã hội càng ngày càng vô hiệu trong việc đối phó với tiến bộ kỹ thuật vì nó đã lỗi thời. Kỹ thuật xã hội không tiến đồng nhịp với kỹ thuật kỹ nghệ và vì sự bất đồng nhịp này, kỹ thuật kỹ nghệ rất có thể hạ phẩm giá hoặc hủy diệt con người thay vì đưa nhân loại lên một mức cao hơn.

Nghèo nàn, dốt nát, bất công, thiếu hiệu năng và thói nát mà ta thấy xung quanh ta là bằng chứng rõ rệt của sự lỗi thời của xã hội. Ai đã được thấy các thành phố New York và Chicago, Tokyo và Osaka, Dusseldorf và Essen chắc cũng kinh hoàng về mức ó ố của phong cảnh do người gây ra. Nhưng ta không cần phải đi xa như vậy mới thấy cảnh đó. Tất cả mọi người có mặt trong phòng này đều có thấy — và không thể không thấy — đống rác khổng lồ, con kinh



đen ngòm hôi hám, cùng các giấy nhà lụp sụp, chật chội, tối tăm sát vách Đại học Vạn Hạnh, khi họ đến đây mỗi ngày để thu nhận những tư tưởng cao thượng. Tất cả chúng ta ở đây đều hiểu rõ sự thô sơ nghèo nàn của các phòng học và văn phòng, hay biết rằng tòa nhà đang xây cho Phân Khoa Giáo Dục với mục đích cải tiến nền giáo dục xứ này không thể hoàn tất được vì thiếu tiền — ta chỉ cần mười lăm triệu đồng, nghĩa là 50.000 Mỹ kim — trong khi mỗi ngày 70 triệu Mỹ kim được chi dùng để biến thanh niên thành những thân ma nát bét, nhà cửa thành những đống tro tàn, và ruộng vườn thành đất hoang. Đó là ta chưa kể số tiền bên kia chi tiêu cũng vào mục đích đó. Số tiền này không dưới hai triệu Mỹ kim mỗi ngày, nghĩa là 730 triệu Mỹ kim mỗi năm. Về phía quan lại, không có ai trong chúng ta không biết cảnh bị uy hiếp, chầu chực, sùng sộ, hay khinh miệt mỗi khi có việc phải tiếp xúc với họ.

Ở xứ này, cũng như ở khắp nơi trên thế giới — kể cả những nước kỹ nghệ tiến bộ nhất — tổ chức xã hội hiển nhiên lẽ đẽo đi sau khoa học và kỹ thuật. Và xuyên qua những tổ chức xã hội lỗi thời ta có thể nhận thấy những tư tưởng khái niệm và thái độ lỗi thời. Nhà học giả Mc Hale đã nói: « Những trở ngại và giới hạn ngăn không cho chúng ta khai thác triệt để tài nguyên và kiến thức của chúng ta không phải là những trở ngại và giới hạn vật chất. Đó là những cơ cấu kinh tế, tài chính, chính trị lỗi thời mà ta đã coi như linh thiêng trong quá khứ » (6). Như ông ta thấy rõ, tình trạng giữa thế kỷ XX có hai đặc điểm:

(6) McHale, *op. cit.*, tr. 51



1) khả năng biến đổi tạo hóa của con người đã gia tăng một cách kinh khủng,

2) các khái niệm đề hướng những khả năng đó và những phương thức xã hội đề đối phó với biến chuyển rất lạc hậu (7).

Ông McHale nhấn mạnh rằng «những chương ngại không cho ta khai thác những dịp tốt không nằm trong cách mạng kỹ thuật, mà trong khái niệm và thái độ xã hội có tác dụng giúp ta quyết định ta sẽ sử dụng những phương tiện kỹ thuật mới thế nào» (8).

Các tổ chức xã hội đã không giúp ta đối phó với phát minh kỹ thuật vì phần lớn tư tưởng, khái niệm thái độ xã hội làm căn bản cho tổ chức xã hội đang còn là tư tưởng khái niệm và thái độ thịnh hành ở thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Nó đang còn dựa trên khái niệm Con Người Kinh Tế (*homo economicus*) và Khoa Học Thuần Túy. Mà cũng vì các nước Âu tây đã đô lộ thế giới, những khái niệm đó đã lan tràn khắp nơi trên trái đất.

Như vậy có nghĩa là, ở Đông phương, chúng ta là nạn nhân của hai sự thất bại cùng một lúc: thất bại của Tây phương, và thất bại của chính chúng ta — vì rất nhiều tư tưởng và khái niệm xã hội của chúng ta đã lỗi thời rất lâu trước khi ta bị Tây phương đánh bại, và nó vẫn còn tồn tại vì chúng ta không chịu, hay

(7) Mc Hale op. cit tr. 61

(8) Mc Hale op. cit tr. 148



không thể, dứt bỏ nó. Những tư tưởng và khái niệm đó là Con Người Đạo Lý và Trật Tự.

Khái niệm Con Người Kinh Tế, và những khái niệm liên hệ mật thiết — Tự do cá nhân, Tự hữu bất khả xâm, Tự do hành động (*Laissez Faire*), Mạnh sống yếu chết (*Survival the Fittest*), Hiệu năng trên hết (*Supremacy of Efficiency*) — là khái niệm chủ chốt đã chi phối tư tưởng xã hội trong gần hai trăm năm qua. Nó đã làm nền móng cho các tổ chức và định chế xã hội đang còn tồn tại ngày nay. Khái niệm Con Người Kinh Tế được gia sức nhờ khái niệm Khoa Học Thuần Túy và các ý niệm phụ — kỹ thuật, duy lý, phương pháp khoa học, cơ giới hóa và hoàn tục hóa.

Hai khái niệm trên đã đem lại của cải tự do và quyền thế cho một thiểu số được đứng đầu nấc thang xã hội. Nhưng của cải, tự do, và quyền thế của thiểu số này xây trên sự thiệt thòi cho đa số ở các nước Âu Tây và thuộc địa của họ, và trên sự thiệt hại lớn lao xã hội: thiệt hại đó là sự phung phí tài nguyên một cách vô lý, ô uế phong cảnh, và nhất là bất công quá độ đưa đến sự cách biệt của đại chúng bị áp bức, bóc lột, và chà đạp — và đó là nguyên do chính của những tranh chấp trong lãnh vực quốc gia cũng như quốc tế.

Hơn nữa, quan niệm Khoa Học Thuần Túy, nghĩa là khoa học « không bàn đến giá trị » được những người tự coi là « chuyên nghiệp » hay « chuyên viên » áp dụng, không dính líu gì và không muốn dính líu gì đến những việc không liên quan trực tiếp đến công việc của họ,



nghĩa là những mục tiêu xã hội cao rộng, hay nói một cách khác, những gì xảy ra cho người khác, và quốc gia khác. Họ gạt bỏ tất cả những giá trị và mục tiêu ra ngoài đời sống, công việc, và tư tưởng họ. Họ không cảm nhận có trách nhiệm về hậu quả xã hội của những sự phát minh của họ, dù tốt hay xấu. Họ chỉ là « chuyên viên » làm công cho ai trả lương cho họ, hay « bác học » chỉ biết ham tìm sự thật — hay nói cho đúng hơn, sự thật khoa học. Với thái độ đó, họ vô tình hay cố ý giúp đỡ duy trì nguyên trạng (*status quo*) hoặc là tác giả của những phát minh có thể đe dọa sự sống còn của nhân loại. Thái độ, đó đã tràn qua khoa học xã hội, như chốc nữa tôi sẽ nói đến. Nhưng trước khi bàn đến vấn đề đó, tôi muốn cứu xét sự thất bại của Đông Phương đã.

Nếu Tây phương đã thất bại vì họ đề cho khái niệm kinh tế và cơ giới về con người và tạo hóa chi phối tư tưởng và tổ chức xã hội của họ — và về điểm này nước Nga Cộng sản cũng không khác gì các nước Âu tây khác —, nguyên do của sự thất bại của Đông phương là không chấp nhận có gì hơn sự cấu tạo và duy trì một xã hội đạo lý và trật tự. Trong xã hội này, đạo lý — ở cả ba cấp: Trời, Người, Vật — phải ngự trị tất cả, nắm trên hết, và ổn định phải được bảo vệ bằng cách buộc người ta phải tôn trọng một hệ thống trật tự xây trên chức phận được phân cấp bậc rất tỉ mỉ. Không có gì quan trọng hơn là giữ gìn đạo, và duy trì một trật tự xã hội ổn định căn cứ trên tài năng do theo thành quả đạo lý và văn chương. Sự sản xuất tài sản vật chất — nhờ hoạt động kinh tế và thương mại — được đặt vào hàng thứ ba và thứ tư — sĩ, nông, công, thương —



của thang xã hội, và học lực chỉ giới hạn trong sự nghiên cứu lý của Trời, Người, và Vật (Thiên lý, Nhân lý, Vật lý) được quan niệm là lý của trật tự và điều hòa. Mọi vật, mọi sự đều hoàn hảo, nhất là trật tự xã hội đương tại, và không nên đổi thay, cải tiến gì cả: mục đích là tạo lên một xã hội *bất khả biến*.

Tất nhiên quan điểm nói trên không phải là quan điểm thật của Khổng Tử vì ông ta nhấn mạnh sự cần thiết của quan sát, phân tách — *cách vật, chi tri, thâm vấn, thận tư* —, thích ứng và biến đổi — *ôn cố tri tân, phản cổ thân tai* — như ai đọc kỹ *Đại Học* và *Trung Dung* cũng biết. Nhưng đám Hán Nho, và nhất là Tống Nho, đã bóp méo những điều Khổng Tử dạy, dùng nó để duy trì nguyên trạng (*status quo*) và ngăn cản mọi cố gắng cải tiến và đổi thay. Do đó, họ làm cho xã hội Khổng giáo mất uyển chuyển và mất sức phát triển (9). Tất nhiên xã hội đó cũng có huy hoàng và phong phú, nhưng huy hoàng và phong phú đó chỉ dành cho vua và quan. Cũng như các xã hội Tây phương đã trọng vọng khái niệm Con Người Kinh Tế và Khoa Học Thuần Túy, huy hoàng và phong phú của vua và quan buộc xã hội phải chịu thiệt hại lớn lao: Trung hoa, Đại hàn, Việt nam, trong cương vị quốc gia, phải trả giá rất đắt sự chấp nhận khái niệm Con Người Đạo Lý và Trật Tự lúc phải đối phó với sức mạnh của Tây phương vào thế kỷ XIX, một sức mạnh nhờ khoa học và kỹ thuật mà có. Trong bốn quốc gia theo Khổng giáo, chỉ có Nhật bản là thoát

(9) Xem Huỳnh Thúc Kháng, «Nho Học Cuối Triều Tự Đức Đến Nay» trong Phan Bội Châu, *Khổng Học Đăng*, Huế, Anh Minh, 1957, phụ chương.



khỏi số phận nói trên, vì giới trí thức của họ đã thông giải khái niệm *lý* một cách tài tình, bao gồm cả đạo lý (dòri) và khoa học (butsuri), và do đó, dưới Triều Minh Trị đã đặt nền móng cho một quốc gia Đông phương làm được một kỳ công là hưởng được những cái hay cái tốt của khoa học Tây phương lẫn đạo lý Đông phương (10).

Lỗi thông giải khái niệm Con Người Đạo Lý và Trật Tự của Tống Nho đã vô cùng tai hại cho Việt nam, đã bị ép buộc chấp nhận thông giải đó trong thời lệ thuộc nhà Minh (1414 — 1427) và sau đó được các nho gia Việt nam mù quáng đón nhận. Tai hại nhất là trong lãnh vực hành chánh và giáo dục. Quan niệm Khổng học của Tống Nho đã đưa đến sự thiết lập một quốc gia theo nguyên tắc chiều dọc (mà học giả Tây phương gọi là *scalar* hay *vertical integration*) — kết hợp chỉ chú trọng liên hệ người trên kẻ dưới — và tôn trọng một cách cứng rắn và sệt sệt hệ thống trật tự xã hội chính trị đương tại với luật lệ, chính sách của nó, dù những kẻ ngồi trên bất tài và thối nát, và dù luật lệ và chính sách có lỗi thời đến mức nào. Học theo quan niệm Tống Nho nói trên làm cho người ta không hợp tác với nhau được theo nguyên tắc kết hợp chiều ngang (*horizontal integration*), một nguyên tắc tối cần thiết trong một thế giới biến chuyển mau lẹ, trong đó ta cần phải chung vốn liếng kiến thức, chuyên môn, tài nguyên và nghị lực nếu ta muốn đi đến thành công. Đây là quan

(10) Xem Maurius Jansen, *Changing Japanese Attitudes Towards Modernisation*, Princeton, 1959 và Joseph R Levenson, *Liang Ch' i Ch' ao and the Mind of China*, Berkeley, 1969, và Tôn Thất Thiện *Tư Tưởng* số 2, 1970, số 4, 1970.



điểm của các chuyên viên trừ danh về khoa học tổ chức. (11) Quan niệm Tống Nho nói trên cũng tạo ra một xã hội mà nhà học giả hành chánh Fred Riggs gọi là xã hội « prismatic » (lăng kính), trong đó nhân viên nhà nước phản động, thối nát, vô hiệu năng trở thành một chính quyền biệt lập, ngăn cản mọi cố gắng cải tiến và cải tổ chỉ vì họ muốn bảo vệ quyền lợi của cá nhân, gia đình và bạn bè của họ, nhất là khi chính quyền chính trị đã suy sụp hay bất lực. Ai có đọc tác phẩm của giáo sư Fred Riggs *Administration in Developing Countries* mới hiểu rõ loại trừ chương ngại nói trên đã gắn liền vào xã hội chúng ta khó khăn ngăn nào. (12)

Trống lãnh vực giáo dục, hệ thống học của Tống Nho đã đào tạo một lớp người mà mỗi lo chính là làm sao có tài học thuộc lòng, viết chữ đẹp, văn chương hay, còn về khoa học và kỹ thuật thì đứng đưng không để ý, sống nhờ ăn bám và coi sự ăn bám đó như một quyền tự nhiên và chính đáng. Hệ thống đó chỉ nhằm truyền những kiến thức lỗi thời, bóp chết mọi sáng kiến, óc cải tiến và tưởng tượng, và tinh thần đồng đội: luyện cho thế hệ này đến thế hệ khác ngoan ngoãn theo tập tục, theo đuổi những gì hào nháng bề ngoài, không thực

(11) Xem Peter F. Drucker, *Technology, Management, and Society*, New York, Harper, 1970; Fremont E. Kast, và James E. Rosenweig, *Organisation and Management: A Systems Approach*, University of Washington, 1970.

(12) Fred Riggs, *Administration in Developing Countries: The Theory of Prismatic Society*, Boston, Houghton and Mifflin, 1964.



quan trọng, hay hoàn toàn vô dụng. Thật ra nó đào tạo hai loại người :

1) những kẻ không có ích gì cho xã hội, và 2) những kẻ cản đường tiến của xứ sở và dân tộc. Họ là những người chỉ ham danh vọng, chức tước, tiền bạc và quyền thế. Ta chỉ cần nhìn xã hội Việt nam ngày nay cũng đủ hiểu hệ thống giáo dục đó tai hại đến mức nào. Ngày nay, hệ thống học Tống Nho đó vẫn còn tồn tại. Thêm vào đó một ít dầu Tây, dấm Mỹ, và vi trùng amibes Việt nam là ta đủ có một món xà lách ăn vào thì khó mà lành mạnh. Không chết là may mắn lắm rồi.

III

Qua sự phân tách trên đây, ta thấy rõ ý nghĩa của các sự kiện đã đề cập đến: cố bám lấy những khái niệm, tư tưởng, thái độ và tổ chức xã hội lỗi thời không những vô ích, mà còn nguy hiểm. Ta rất cần xét lại các giá trị, sửa lại khái niệm, định lại hướng đi, và xây cất lại tổ chức và định chế xã hội để có thể giải quyết những vấn đề của xã hội đang trải qua những sự biến chuyển lớn lao, mau chóng, và càng ngày càng gia tăng của kỹ thuật. Chúng ta phải hình dung lại thế nào là một xã hội lý tưởng. Muốn vậy ta phải thấy rõ các vấn đề liên hệ đến biến chuyển; ta cần phải thấu hiểu khoa học và kỹ thuật, bản chất, ranh giới, và tiềm năng xây dựng hay phá hoại của nó; ta cần phải ý niệm rõ ràng thế là thiện ích xã hội; ta phải đổi mới xã hội để theo kịp đà thay đổi của kỹ thuật.



Cách đây bốn mươi năm, nhà triết gia Bertrand Russell đã nhấn mạnh rằng khoa học, quan niệm như một kỹ thuật, cho ta có thể, và có thể nói buộc ta phải, có những hình thức xã hội mới. Nhưng khoa học không giúp ta được trong việc này. Ông nói:

«Cho đến ngày nay, con người không thực hiện được những điều họ mong muốn vì không biết lấy phương tiện ở đâu. Nhưng khi họ đã tinh thông, họ có thể uốn nắn ngoại vật, xã hội và chính họ theo mẫu mà họ cho là tốt nhất. Nếu họ sáng suốt, khả năng mới này sẽ đem lại cho họ những điều lành; nếu họ ngu xuẩn, thì ngược lại họ sẽ bị hại. Như vậy có nghĩa muốn một nền văn minh khoa học thành một nền văn minh tốt, ngoài sự gia tăng kiến thức cần có thêm sự gia tăng sáng suốt. Theo tôi, sáng suốt là có một quan niệm đúng về đời sống. Mà quan niệm đúng này, khoa học không thể cung cấp cho ta được. Cho nên, sự gia tăng khoa học tự nó không đủ để bảo đảm tiến bộ thực sự, tuy nó cho là một trong những thức cần thiết mà tiến bộ đòi hỏi.» (13)

Ai có học khoa học xã hội cũng biết đến vấn đề liên hệ giữa giá trị và khoa học, nhất là trong lãnh vực khoa học xã hội. Câu hỏi: «Khoa học xã hội có nên gạt giá trị ra ngoài» như những khoa học khác hay không «đã gây tranh luận và chia rẽ trầm trọng các

(13) Bertrand RUSSELL, *The Scientific Outlook*, New York, Norton and Co, 1962 (xuất bản lần thứ nhất năm 1931), tr. 100



học giả xã hội trong quá khứ, và còn chia rẽ họ ngày nay, tuy ít trầm trọng hơn. Vấn đề này rất cũ, và cùng xuất hiện với khoa học xã hội. Ngay mà ông Auguste Comte bắt đầu chú ý đến xã hội học, ông ta tin rằng có thể tạo được một khoa học về xã hội có thể giúp học giả khám phá được những định luật chi phối xã hội, và cho họ khả năng chế ngự và uốn nắn xã hội này cũng như các nhà học giả vật học có thể chế ngự và uốn nắn ngoại cảnh vật chất bằng cách khám phá định luật về vật chất — một điều sau này được Karl Marx cũng tin và đẩy càng mạnh hơn nữa. Vì niềm tin trên nên Comte đặt tên khoa học mới là *physique sociale*. (Lý học Xã hội).

Ngày nay, ta đã đi xa lý học xã hội, được quan niệm như một khoa học thuần túy, chỉ sử dụng những khái niệm và phương pháp của khoa học vật chất. Càng ngày, càng nhiều học giả xã hội công nhận rằng các khoa học xã hội không thể giống hết khoa học vật chất, và học giả xã hội không thể loại bỏ các giá trị và mục tiêu xã hội ra ngoài sự nghiên cứu suy tư của mình mà họ cũng không có thể quả quyết rằng tác phẩm của họ không «chứa đựng giá trị» trong đó. Con người khác vật chất ở chỗ nó có thể suy nghĩ và cảm xúc, và nó không ngừng suy nghĩ và cảm xúc, và phản ứng đối với ngoại giới theo chiều hướng giá trị ru thể tồn tại của mình với kiến thức mà nó thu thập được. Ta không thể nghiên cứu con người, trong cương vị cá nhân hoặc đoàn thể, như ta nghiên cứu một mảnh kim khí hay một chất hóa học. Câu rảo đón mà các học giả thường đưa ra — *rebus sic stantibus* (nếu những điều kiện khác không biến đổi) — không áp dụng vào con



người được, vì không khi nào con người y nguyên bất biến, và ngoại cảnh xã hội cũng không khi nào đứng yên bất động. Thật thế, như đã nói ở trên, ngoại cảnh biến đổi, và biến đổi rất nhanh chóng, và con người cũng biến đổi theo. Chỉ có một điều không thay đổi trong các việc liên hệ đến người và xã hội: đó là người và xã hội biến đổi luôn luôn. Cho nên, ta phải nhớ rằng con người biết học, và nhờ sự học đó, có thể cải thiện cá nhân mình cũng như ngoại cảnh xã hội, miễn là họ có tin tức đầy đủ, thích hợp, và đúng sự thực. Điều mà lay ta cần hơn lúc nào cả và hơn tất cả những gì khác là kiến thức kịp thời, đúng việc, và đầy đủ để ta có thể ước đoán và uốn nắn được tương lai bằng cách định hướng hiện tại với kinh nghiệm thu lượm được qua các lỗi lầm trong quá khứ.

Cung cấp loại kiến thức và tin tức này là nhiệm vụ của giáo dục. Và đó cũng là nhiệm vụ chính của học giả xã hội, là người phải giúp thu tập tin tức, tài liệu thích hợp, cứu xét đúng đắn và đề nghị khái niệm, tư tưởng, hình thức tổ chức xã hội mới để xã hội có thể đối phó hữu hiệu với những biến chuyển mau lẹ của kỹ thuật, nắm vững tình hình, và hướng xã hội về mục tiêu được lựa chọn thế nào cho xã hội có tối đa hy vọng tồn tại, đạt tự do và tiến bộ. Để làm trọn nhiệm vụ này, nhà học giả xã hội cần biết rõ những vấn đề đã nêu ra ở trên, không những về hiện tại, mà cả quá khứ và tương lai.

Học giả xã hội, cũng như nhà giáo dục, và tất cả những ai có trách nhiệm lãnh đạo và hướng dẫn xã



hội, ít nhất cũng phải biết một cách đại cương về những sự phát minh mới nhất, không những chỉ trong lãnh vực khoa học xã hội, mà cả trong lãnh vực khoa học — thuần túy lẫn áp dụng — nói chung. Nghĩa là, học giả xã hội không vạch ranh giới nào hay không đi theo một đường hướng duy nhất, mà phải sẵn sàng chấp nhận những gì mới lạ. Khẩu hiệu của ông ta phải là: *homosum: humani nihil a me alienum puto*. (Tôi là người, mà không có gì liên hệ đến con người mà tôi không biết đến). Những sự biến chuyển mà ông ta cần biết đã được đề cập đến ở đoạn trên. Nhưng những điều đó liên quan đến hiện tại và tương lai. Người học giả còn phải đặc biệt nghiên cứu sâu rộng về quá khứ.

Học giả xã hội McHale đã nói rằng muốn thay đổi tương lai ta phải thay đổi quan niệm về quá khứ. Và đoạn sau này có một tầm quan trọng đặc biệt, nên tuy nó dài, tôi sẽ trích nguyên văn. Ông nói:

« Mọi sự tìm kiếm nghiên cứu đúng đắn về quá khứ cần dựa trên sự hiểu biết chặt chẽ về quá khứ, quan điểm hiện tại. Thay vì theo phương pháp sử ký cổ truyền, ta cần xét lại quá khứ quan niệm nó như một loại thí nghiệm xã hội và văn hóa được thực hành trong những điều kiện nhiều hay ít chặt chẽ, trong những khung cảnh khác nhau, và không được ghi chép đầy đủ. Những ghi chép này là tài liệu về thí nghiệm giúp ta định hướng tương lai. Theo truyền thống, giá trị của quá khứ là tạo ổn định và liên tục đến ngày nay, nhưng nó sẽ hữu ích cho nhu cầu hiện tại hơn nếu ta biết nhìn nó với



con mắt phê phán và nhận ra được trong quá khứ những thái độ và hành vi có thể nguy hại hoặc cản trở những gì ta có thể thực hiện được trong tương lai. Ta cần phải đoạn tuyệt với quá khứ để xây dựng tương lai, nhưng ta cũng phải xét kỹ những thành quả và chướng ngại trong quá khứ qua điều kiện đã đổi thay của hiện tại để lựa chọn trong một lãnh vực rộng lớn hơn.

« Hơn nữa, ta có thể nói rằng sự xét lại và cân nhắc lại quá khứ còn cần thiết gấp rút hơn là chuẩn bị tạo thêm tương lai mới. Điều này rất đúng trong lãnh vực lý thuyết xã hội và chính trị, vì các lý thuyết này là căn bản và khởi điểm của mọi tương lai xã hội. Tuy vậy, ta thấy rõ rằng rất nhiều căn bản lý thuyết này đã được đưa ra trong thời tiền kỹ nghệ hay áp lực của căng thẳng do thời kỳ chuyển tiếp gây ra. » (14)

Trên đây, ta đã nhận ra một số khái niệm xã hội Tây phương và Đông phương đã có ảnh hưởng tai hại trong quá khứ và đang làm đình trệ tiến bộ trong hiện tại. Để cho đầy đủ, ta nên nói thêm rằng những cái được gọi là ý thức hệ mới và cấp tiến không có gì mới, cấp tiến hoặc lành mạnh cả. Thật ra nó đã lỗi thời rồi. Ý thức hệ rõ ràng nhất là thuyết Mác xít, hiểu theo quan điểm của Cộng sản — đặc biệt là Cộng sản Trung hoa và Việt nam — ngày nay. Như học giả xã hội Wright Mills đã nhấn mạnh, thuyết tự do và thuyết xã hội, hai thuyết được đưa ra để giải thích thế giới và con người, đều đã sụp đổ. Ông viết :

(14) McHale, *op,cit*, tr. 30



«Thuyết tự do (liberalism) đặt nặng tự do và lý trí, cho hai điều đó là những sự kiện tối trọng về cá nhân; thuyết Mác xít cho hai điều đó là sự kiện tối trọng về vai trò con người trong tạo tác lịch sử chính trị... Nhưng theo ý tôi, những sự xảy ra trên thế giới cho ta thấy rõ tại sao hai ý niệm tự do và lý trí này thường có vẻ mập mờ trong xã hội tự do cũng như trong xã hội cộng sản đương thời, tại sao thuyết Mác xít đã trở thành một lối lập luận ràm tai chỉ nhằm bảo vệ một lớp công chức tri não hẹp hòi và giúp họ lậm dụng; và thuyết tự do đã trở thành một phương thức tầm thường và hết thích hợp để che đậy thực trạng xã hội. Những biến chuyển lớn của thời đại chúng ta không thể hiểu qua sự thông giải về chính trị và văn hóa của thuyết tự do hay thuyết Mác xít. Hai thuyết này xuất phát để giúp ta suy tư về những mẫu xã hội ngay nay không còn nữa. John Stuart Mill không hề phân tích các hệ thống kinh tế đã xuất hiện trong thế giới tư bản. Karl Marx không hề phân tách các loại xã hội đã xuất hiện trong khối cộng sản. Và cả John Stuart Mill lẫn Karl Marx đều không hề nghĩ đến các vấn đề của những nước kém mở mang, là nơi mà bảy phần mười nhân loại đang sinh sống một cách chật vật. Ngày nay, ta đứng trước hai loại tổ chức xã hội, và đứng về quan điểm của «lý tưởng mới» ta không thể dùng thuyết tự do hay thuyết xã hội truyền lại cho ta đó để phân tách» (15).

(15) Wright MILLS, *The Sociological Imagination*, Oxford, Oxford University Press, 1969 (in lần thứ nhất vào năm 1959), tr. 167



Vi thuyết tự do và thuyết Mác xít là hai ý thức hệ được người Mỹ, người Nga, người Tàu và nhiều người khác đã biến xứ Việt nam thành một bể khổ hay bể máu, học giả xã hội Việt nam — mà không phải chỉ học giả Việt nam mà tất cả người Việt nam khác lo âu cho xứ sở — cần đề thì giờ nghiên cứu kỹ lưỡng hai ý thức hệ đó, và hiểu rõ, trong cương vị khái niệm, tư tưởng, khẩu hiệu, tổ chức xã hội, hai thuyết tự do và Mác xít có thể đóng góp gì vào sự tiến bộ của đất nước và dân chúng này.

Phần khác, học giả xã hội Việt nam cũng phải chú ý đặc biệt đến lịch sử xã hội và tư tưởng Việt nam, nhất là trong giai đoạn tiếp xúc với Tây phương, nghĩa là từ đời Hậu Lê trở đi.

Tôi nghĩ rằng nhờ nghiên cứu giai đoạn này mà ta có thể so sánh một cách thích hợp, có kết quả, và rất hữu ích thời đo với thế giới hiện tại. Họ sẽ thấy rõ rằng tư tưởng và khái niệm đã thay đổi rất ít, và tư tưởng và khái niệm được đưa ra cách đây ba trăm năm hay hơn nữa đang còn cản đường tiến của dân tộc ta ngày nay; họ sẽ thấy rằng rất nhiều nhà trí thức Việt nam ngày nay vẫn còn phản ứng giống những nhà trí thức quan lại dưới triều Tự Đức, rằng tình trạng chính trị ngày nay không khác gì tình trạng chính trị thời chúa Trịnh, rằng thái độ quân sự ngày nay không khác gì thái độ quân sự dưới triều Minh Mạng. Nếu học giả xã hội nghiên cứu tư tưởng Phan Chu Trinh, họ sẽ bị xúc động mạnh, như tôi đã xúc động, thấy rằng những nhận định của Cụ Phan Chu Trinh về tình trạng đạo lý, tư tưởng, và chính trị thời cụ Phan Chu Trinh tả hậu quả của một



nền giáo dục và chính trị đã tạo ra thế hệ cụ, và đang được tiếp tục ở thế hệ cụ (16). Dưới trời Việt không có gì mới lạ!

Nhưng, trong tư thế một học giả xã hội, chúng ta phải có cái gì khác hơn là một quan niệm lịch sử bao quát. Ta phải có thêm một tinh thần trách nhiệm xã hội mạnh mẽ. Như tôi đã nói ở trên, có một phái học giả xã hội học muốn loại giá trị và mục tiêu xã hội ra khỏi xã hội học, và quan niệm rằng nhiệm vụ chính của nhà học giả xã hội là nghiên cứu sự kiện « như nó đã xảy ra ». Nhưng trong các sự việc xã hội, sự kiện như nó đã xảy ra có như vậy vì, một lúc nào đó, có những người muốn làm cho nó khác trước. Ông Gunnar Myrdal, người đã suốt đời nghiên cứu về các vấn đề xã hội, và là một trong những học giả được kính nể nhất hiện nay, đã bình luận về vấn đề này như sau: « Không có cách nghiên cứu thực trạng xã hội nào khác là đứng về quan điểm của lý tưởng của con người. » « Khoa học xã hội vô tư » không khi nào có, và, theo đúng lý, không thể có được. Màu sắc giá trị của những khái niệm căn bản của chúng ta phản ánh sự lưu tâm của ta về vấn đề nghiên cứu, định hướng cho tư tưởng, và định mức quan trọng của kết luận của chúng ta. Có giá trị ta mới đặt câu hỏi đúng và tìm được giải đáp đúng » (17). Ông nói thêm rằng tất cả các khoa học xã hội đều được ý muốn cải tổ xã hội của ta đẩy tới nhiều hơn là óc tò mò suông về sinh hoạt xã hội. « Chính sách xã

(16) Xem « Phan Chu Trinh » trong *Tư Tưởng*, tháng 6, 1969, *Vạn Hạnh Bulletin*, March-April 1970.

(17) Gunnar MYRDAL, *Value in Social Theory*, London, Ronthledge xnel Kegan Paul, 1958, tr 1 và 9.



hội là động lực chính, lý thuyết xã hội là động lực phụ » (18). Trong tác phẩm *Social Science and Social Purpose*, giáo sư T.S. Simey có quan điểm tương tự khi ông ta viết :

« Nếu ta nhìn sự vật với con mắt của một triết gia ... ta không thể chối từ nhìn thẳng vào sự kiện; con người không thể « không có ý kiến », dù là có khoa học hay không; ta phải chấp nhận cần thiết chia sẻ những nguyên lý của người thường khi cố gắng sắp xếp thế giới quanh họ theo một hệ thống tri thức nào đó.

Vì vậy ta có thể nói rằng những người hoạch định chính sách và những nhà cai trị sẽ làm việc hữu hiệu hơn nếu họ sử dụng sự sáng suốt của thế giới nói chung và những tin tức và kiến thức mà học giả xã hội thu tập được » (19).

Về điểm này giáo sư Simey đồng ý với giáo sư Ropert Merton rằng học giả xã hội phải ấn định mục tiêu và giai đoạn xã hội có thể đạt được. Nghĩa là « đem giá trị mới vào tình trạng xã hội mới » và « không thể có khoa học xã hội nếu không có giá trị xã hội ».

Vậy, học giả xã hội phải có óc xã hội và lý tưởng xã hội, vì ngoài vấn đề phương pháp, họ còn phải hiểu rằng có nhiều vấn đề cá nhân không thể giải quyết được nếu chỉ coi nó là vấn đề cá nhân mà chỉ có thể giải

(18) T.S. SIMEY, *Social Value and Social Purpose*, London, Con-table, 1968, tr 177.

(19) MILLS, *op, cit*, tr. 226



quyết được bằng cách cải tổ xã hội. Đó là điều mà Wright Mills gọi là mối tương quan giữa cá nhân sử, lịch sử, và xã hội. Ông nói rằng nhiều vấn đề cá nhân « không thể giải quyết được như vấn đề cá nhân, mà phải xét dưới khía cạnh xã hội — và được coi như là một phần của tạo tác lịch sử... các vấn đề của khoa học xã hội, nếu trình bày cho đúng, phải gồm có vấn đề cá nhân và xã hội, cả cá nhân sử lẫn lịch sử, và tất cả mối liên hệ phức tạp của nó.

Có dựa trên giá trị và mục tiêu xã hội, học giả xã hội mới dùng trí tưởng tượng của mình để tạo ra tư tưởng và khái niệm mới, và hình dung được những hình thức tổ chức xã hội mới để khai thác tận cùng những phát minh kỹ thuật mới. Nhưng trước khi ông ta sử dụng trí tưởng tượng của mình theo chiều hướng đó, ông ta phải có kiến thức, kiến thức của mình cũng như kiến thức của nhiều người khác. Nhưng không hẳn kiến thức đã có sẵn cho ông ta sử dụng vì hệ thống giáo dục của xã hội ông ta không được tổ chức để tạo loại kiến thức mà ông ta cần đến. Như thế nghĩa là sự tạo tác kiến thức là một mối ưu tư của học giả xã hội. Và tạo tác kiến thức là một trong những nhiệm vụ chính của giáo dục.

IV

Theo những sách dạy kinh tế học cách đây năm mươi năm, phát triển kinh tế là thành quả của sự phối hợp ba yếu tố sản xuất: đất đai, lao công, và tư bản. Sách dạy kinh tế cách đây hai mươi năm nhấn mạnh quản trị và cho đó là yếu



tổ sản xuất quan trọng nhất. Ngày nay, yếu tố quan trọng nhất về phát triển kinh tế cũng như về phát triển kỹ thuật, và của nhiều lãnh vực khác nữa, là kiến thức. Những chuyên viên về quản trị cũng như học giả xã hội đều đồng ý về điểm đó. Theo Drucker, một chuyên viên có tiếng về quản trị, «Tài nguyên căn bản, đầu tư căn bản, cũng như trọng tâm của một nền kinh tế phát triển, là người chuyên viên kiến thức (knowledge worker), áp dụng những gì mà ông ta đã học được nhờ một sự giáo dục có qui củ, nghĩa là khái niệm, tư tưởng, lý thuyết, chứ không phải là người thợ dùng tay hoặc sức lực» (20). Ông McHale, một học giả xã hội nói «Sự gia tăng kiến thức, dựa trên tài nguyên nhân lực, đưa vào nhiều hình thức hoạt động vật chất hoặc xã hội, là nguồn sản xuất của cái ngày nay» hoặc: «Tài nguyên quan trọng nhất của ta ngày nay là kiến thức, nghĩa là những người được huấn luyện, những điều kiện giúp cho họ có một nếp sống toàn vẹn những phương tiện cho họ có thể tiếp tục phát triển kiến thức». (21)

Sự phát triển khoa học và kỹ thuật nhờ sự gia tăng kiến thức lại trực tiếp giúp vào sự tạo tác thêm kiến thức. Tốc độ gia tăng càng ngày càng cao. Những ai nói đến sự «bùng phát kiến thức» là nói đúng. Càng ngày người ta càng công nhận rằng một xã hội có thể tiến mau chóng hơn nếu xã hội đó dùng một phần lớn tài nguyên vào sưu tầm và phát triển. Hoa kỳ và Nga số là hai trường hợp điển hình nhất về phương diện này. Một khía cạnh quan trọng khác về kiến thức là nó

(20) DRUCKER, *op, cit*, tr. 37

(21) McHALE, *op, cit*, tr. 231 và 278



có tính cách lũy tiến và không biên giới : kể đến sau được lợi hơn trong sự khai thác những phát minh mới nhất — nếu họ có tổ chức để đạt mục đích đó. Sự tái thiết phi thường của Đức và Nhật bản, đã cho họ lọt vào hàng đầu của các quốc gia của thế giới sau Thế giới chiến II, là những ví dụ rõ ràng. Nguyên do của sự lạ đó là họ đã áp dụng những phát minh mới nhất về khoa học và kỹ thuật vào phát triển kinh tế, và sự kiện đó đã được gọi là « Skip-hop-and-jump development » (Phát triển theo lối đi tắt, vọt và nhảy). Một quốc gia không có kiến thức thích hợp và tân tiến nhất, và không chấp nhận một tổ chức xã hội cho công dân khả năng thu tập truyền và tạo tác kiến thức là một quốc gia phải chịu số phận đứng sau, nghèo nàn, bị dò hộ, diệt vong hoặc đóng vai trò một viện bảo tàng nhân chủng.

Nhưng muốn hữu ích, kiến thức cần được phổ biến. Muốn vậy, cần phải có một hệ thống thích hợp, nghĩa là một hệ thống giáo dục đào tạo những người trí óc lanh lẹ, và biết đáp ứng các biến chuyển của ngoại cảnh một cách mau lẹ. Như vậy, hệ thống giáo dục đó phải cởi mở, chớ không phải bế quan tỏa cảng, bịt mắt, bịt miệng đã được áp dụng với hậu quả tai hại trong quá khứ, và đang còn được áp dụng ngày nay, nhất là đối với đại đa số không của cải, quyền thế, hoặc không chịu a tòng hay khuất phục. Một hệ thống giáo dục thích hợp phải nhằm phát triển nội độ tinh thần phê phán và trí tưởng tượng, óc sáng tạo và cải tiến, ý thức về biến chuyển và sẵn sàng chấp nhận đổi thay, óc tò



mò ham hiểu ham biết, muốn học và học đến nơi đến chốn.

Nhưng truyền kiến thức và tạo tác kiến thức chỉ là hai trong những nhiệm vụ của giáo dục. Muốn cho toàn diện, giáo dục phải phát huy những đức tính đạo lý và công dân cần thiết cho mọi xã hội muốn vững mạnh và lâu dài. Đặc biệt là cần phải dạy những đức tính lương thiện và thành thực về phương diện đạo lý cũng như trí thức, chịu làm việc và kỷ luật, ý thức xã hội, quốc gia và quốc tế, và chịu hợp tác với kẻ khác để thực hiện những công cuộc chung lợi ích cho xã hội, nghĩa là kết hợp chiều ngang.

Có một một cấp thứ ba mà một hệ thống giáo dục tốt cần phải chú ý nữa ; đó là cấp siêu việt. Jesus có nói : con người không chỉ sống nhờ cơm, Khổng tử qua thuyết *nhân nghĩa thành tín*, và Đức Phật, qua thuyết *diệt dục, từ bi*, đều nhấn mạnh điểm đó. Giữa con đường cổ truyền Tây phương đặt nặng khoa học, và con đường cổ truyền Đông phương đặt nặng đạo lý, còn một con đường thứ ba. kết hợp khoa học đúng mức và đạo lý đúng mức với siêu việt, trong sự đi tìm sung mãn, hạnh phúc, và chân lý. Đó là quan niệm *sĩ*. Theo nghĩa nguyên thủy, *sĩ* là một người thông thạo về những gì liên hệ đến cả ba lãnh vực — Thiên, Địa, Nhân — Trời, Đất và Người —. Một quan niệm hẹp hòi về khoa học sẽ làm cho ta lẫn lộn cứu cánh và phương tiện. Một quan niệm hẹp hòi về đạo lý sẽ làm cho ta gạt bỏ những điều kiện vật chất cần thiết cho hạnh phúc con người. Chúng ta cần có khoa học lẫn đạo lý, nghiên cứu *lý* của Người, lý của Vật, và lý của Trời.



Cuối cùng, ta cũng nên nói thêm rằng một hệ thống giáo dục thích hợp phải nhằm đào tạo chuyên viên tốt và công dân tốt *cho tương lai*, không phải để giải quyết những vấn đề hai mươi năm về trước, nhưng để giải quyết những vấn đề hai mươi năm sắp tới. Vì vậy, mối lo của ta phải nhằm vào những người trẻ. Về phương diện giáo dục, những người trên ba mươi tuổi quá già rồi. Ta khó mà thay đổi được họ, vì họ đã được uốn nắn bởi một nền giáo dục mà, như đã nói trên, đặc sắc là phi lý và tai hại — vì nó chỉ phát huy tinh thần tự kiêu tự mãn, và những thói quen phản xã hội tệ hại nhất. Nói đến giáo dục là nghĩ đến những người dưới hai mươi tuổi, và đặc biệt là đến những kẻ bắt đầu học tập trong gia đình hay ở trường.

Nói lắm, thì ta có thể gồm những người bắt đầu vào đại học. Nhưng, thật ra, đối với nhóm này việc đã trễ rồi: những sinh viên đại học ưu tú là những người đã được huấn luyện đúng mức ở cấp tiểu học và trung học. Đại học có thể tạo họ thành những chuyên viên giỏi — mà ngay cả điều này cũng không chắc — chứ đại học không thể biến họ thành công dân tốt và người tốt.

Trong sự giáo dục con em ta phải chuẩn bị cho nó vào đời trong ba mươi năm nữa, lúc mà nó trưởng thành và bước chân vào một thế giới khác hẳn thế giới ngày nay, một thế giới mà những người đã ra khỏi trường đại học và cao đẳng cách đây ba mươi năm sẽ không thể nhận dạng được nếu họ không biết lo và dè cho trí óc mình bị tê liệt. Ta sẽ là người có tội nếu ta dạy con em và nhét vào óc nó hàng ngàn sự kiện và giá trị hoàn toàn lỗi thời — nghĩa là vô dụng — khi nó trưởng thành trong hai ba mươi năm nữa. Thay vì dạy nó sự kiện và giải pháp, chúng



ta phải nỗ lực dạy nó phương pháp học hỏi suy tư, luyện cho nó biết cách sử dụng khái niệm và tư tưởng, và những khí cụ để học (nghĩa là phương pháp phân tích, toán, và sinh ngữ) chúng ta phải dạy nó dùng trí tưởng tượng một cách sáng tạo để nó có thể đối phó với những biến chuyển mau lẹ của ngoại giới, đem lại lợi ích cho nó và cho xã hội. Chúng ta phải dạy nó biết phân tích quá khứ, đoán trước tương lai, giải quyết những vấn đề mới bất ngờ, thay vì nhồi vào đầu óc nó những giải pháp dùng để giải quyết những vấn đề sẽ không còn hay hết quan trọng khi nó lớn lên. Chúng ta không thể không đồng ý với Khổng Tử khi ông nói: «tứ tứ tuyệt: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã» nghĩa là ta có bốn tuyệt đối: không có tiên kiến, không độc đoán, không có định kiến và không chủ quan. Chỉ như vậy ta mới mở rộng đường tiến về tương lai. Giáo dục là một điều huy hiêm. Như John Millet nói:

«Giáo dục là một việc nguy hiêm, vì giáo dục là chấp nhận đổi thay. Nó sẽ biến đổi cá nhân vì nó gia tăng kiến thức và phát triển khả năng lý luận của họ, ngoài ra, người được giáo dục có thể trở thành người giúp vào công cuộc đổi thay....»

«Giáo dục cấp đại học là một điều huy hiêm, vì nó luôn luôn đưa đến những sự xáo trộn hệ thống quyền thế trong xã hội, mà vì nó mà cá nhân và định chế trong xã hội có thể chấp nhận tư tưởng mới và thái độ mới. Sự thật mà giáo dục cấp đại học truyền lại và phát triển không khi nào có tính cách vĩnh viễn, mà chỉ tạm thời» (22). Nói

(22) xem chú thích trang 64



rằng giáo dục nguy hiểm là một điều đúng, nhưng điều đó chỉ đúng cho những người quay lưng cho tương lai, và cản đường tiến về tương lai của cả một dân tộc, vì họ thiếu kiến thức hay vì họ hiểu quyền lợi của họ một cách hẹp hòi. Ngoài ra, giáo dục không nguy hiểm gì cả. Trái lại: *không* giáo dục nghĩa là giáo dục bừa bãi và lỗi thời mới nguy hiểm.

Thiết lập một hệ thống giáo dục lành mạnh và hướng về tương lai để bảo đảm sự tồn tại và tiến bộ của xứ sở và dân tộc là trách nhiệm của toàn thể xã hội Việt nam, chứ không trách nhiệm riêng gì của nhà trường, đại học, Bộ Giáo dục, hay Chánh phủ. Nhưng Bộ Giáo dục và Chính phủ mang trách nhiệm chính trong việc này vì họ kiểm soát sự phân phối tài nguyên cho đại học và các nhà giáo dục để cải tiến các phương tiện giáo dục và cho thanh thiếu niên Việt nam được hưởng một nền giáo tốt đẹp hơn là nền giáo dục hiện tại. Người ta nói rằng tương lai Việt nam tùy thuộc thanh thiếu niên Việt nam. Điều đó đúng, nhưng chỉ đúng nếu họ được giáo dục đúng đắn. Nếu không, họ chỉ được huấn luyện để làm suy yếu hủy hoại xứ này, như đa số đàn anh họ thuộc thế hệ hiện tại đang làm. Đó sẽ là một tội lớn. Giáo dục là chuẩn bị thanh thiếu niên về tương lai, và vì vậy, tương lai Việt nam tùy thuộc giáo dục. Ai phủ nhận điều này phải chứng minh là họ có lý.

TÔN THẤT THIỆN

- (22) John D. MILLET, trong *The Academic Community: An Essay on Organisation*, New York, McGrawhill, 1962, trích trong TASK và ROSENWEIG, *op. cit.*, tr. 560.

